

KỸ NĂNG GIAO TIẾP SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG HOẠT ĐỘNG KIẾN TẬP VÀ THỰC TẬP SƯ PHẠM

VŨ THỊ VÂN
NGUYỄN THỊ NGUYỄN VÂN
Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 05/9/2025. Sửa chữa xong 08/10/2025. Duyệt đăng 10/10/2025.

Abstract

This study explores the current status of pedagogical communication skills among 163 Early Childhood Education students at Tay Nguyen University during their field observations and teaching internships. The findings reveal that the surveyed students possess an average level of pedagogical communication skills. While they have begun to apply these skills appropriately, their performance remains unrefined and lacks flexibility. Among the groups of pedagogical communication skills, the ability to establish relationships with children is performed more effectively. The main reason for this limitation is that, although students demonstrate love for the profession and affection for children, they have not made sufficient and consistent efforts to practice regularly or to deeply understand child psychology during professional training, field observations, and teaching internships. Assessing and analyzing the level of pedagogical communication skills among Early Childhood Education students at Tay Nguyen University during these activities is both necessary and scientifically meaningful.

Keywords: Early Childhood Education students, field observations, pedagogical communication, pedagogical communication skills, teaching internships.

1. Đặt vấn đề

Sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) là thế hệ giáo viên tương lai sẽ làm nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi tại các cơ sở GDMN thuộc các loại hình trường công lập, bán công, dân lập, tư thục. Đào tạo SV ngành GDMN tương lai để họ có vị trí là người thầy đầu tiên cùng với cha mẹ trẻ xây dựng nền móng ban đầu phát triển nhân cách con người. Mục đích lao động sư phạm của giáo viên mầm non nhằm giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách. Đặc biệt, đối với cơ sở giáo dục đại học hiện nay, việc công bố chuẩn đầu ra về chất lượng SV ra trường có đầy đủ về tri thức, năng lực, tay nghề sư phạm được nhà trường sư phạm quan tâm [7, tr. 126]. Trong đó có nhấn mạnh đến chất lượng giảng dạy của SV khi tốt nghiệp ra trường là yêu cầu bắt buộc cho SVSP nói chung, SV ngành GDMN nói riêng. Đặc biệt, đối với SV ngành GDMN - một trong những kỹ năng rất quan trọng trong hoạt động sư phạm cần phải có đó là kỹ năng giao tiếp sư phạm (GTSP). Bởi vì, thông qua giao tiếp, giáo viên sẽ thiết lập được mối quan hệ với trẻ, hiểu được đặc điểm tâm sinh lý của trẻ và giúp trẻ lĩnh hội các tri thức tiến khoa học trong chương trình GDMN. Sự thành thực, linh hoạt trong quá trình giao tiếp của cô với trẻ sẽ là một yếu tố đóng vai trò quan trọng giúp trẻ yêu cô, yêu lớp, yêu trường mầm non, từ đó khơi dậy ở trẻ những cảm xúc tích cực, phong phú và hứng thú tham gia các hoạt động do cô tổ chức [6, tr. 51] nên nghiên cứu kỹ năng GTSP của SV ngành GDMN trong kiến tập và thực tập sư phạm (KT&TTSP) là vấn đề cần thiết.

Email: vtvan@ttn.edu.vn

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khảo sát thực tiễn được thực hiện trên 155 SV ngành GDMN (gồm: 87 SV năm thứ 3 và 76 SV năm thứ 4) những SV này đã được học môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tham gia kiến tập, thực tập tại các trường mầm non theo qui định của nhà trường, năm học 2024-2025 (thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025) tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

Phương pháp được sử dụng là phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp xử lý kết quả bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0.

Phương pháp chính là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phiếu điều tra được chia làm 2 phần: A) *Thông tin chung*: 1) Khí chất; 2) Dân tộc; 3) Khóa học; B) *Kỹ năng GTSP ở các khía cạnh*: 1) Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; 2) Kỹ năng nghe và lắng nghe; 3) Kỹ năng truyền đạt thông tin; 4) Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; 5) Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp.

Trong đó, các biểu hiện về mức độ kỹ năng GTSP của SV được đánh giá theo tỉ lệ % và 5 mức điểm: Cụ thể: Mức 1: Rất thấp: 1,0 - 1,8 điểm; Mức 2: Thấp: 1,81 - 2,6 điểm; Mức 3: Trung bình: 2,61 - 3,4 điểm; Mức 4: Cao: 3,41 - 4,2 điểm; Mức 5: Rất cao: 4,21 - 5,0 điểm.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

3.1.1. Khái niệm kỹ năng

Kỹ năng là một khái niệm khá phổ biến trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu đặc biệt là nghiên cứu giáo dục. Người có công trong việc nghiên cứu kỹ năng, kỹ xảo, đưa ra các phương pháp hình thành kỹ năng phải kể đến Tsebutseva V.V, theo cách này thì kỹ năng thường liên quan với khả năng vận dụng kinh nghiệm cũ trong việc thực hiện những hành động trong điều kiện mới [6, tr. 30]. Sau này các nghiên cứu của Ngô Công Hoàn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Quốc Thành, Nguyễn Quang Uẩn chỉ ra rằng: "*Kỹ năng không chỉ bao gồm các hành động vận động, mà cả những hành động trí tuệ, kỹ năng là một tổ chức tâm lý phức tạp, hình thành trên cơ sở một hệ thống các kỹ xảo có liên quan đến một hoạt động nhất định*" [8, tr. 30].

Cũng trong các nghiên cứu của mình tác giả Vũ Dũng (2012) đã đề cập đến khái niệm "*Kỹ năng - cơ chế hình thành*" [5, tr. 263]. Ở đây tác giả cho rằng cần phải phân ra nhiều giai đoạn để hình thành kỹ năng, trong kỹ năng có nhiều loại kỹ năng như: kỹ năng nhận thức, kỹ năng trí tuệ và kỹ năng vận động. Trong đó, kỹ năng vận động là sự tác động có tính tự động hóa nên các khách quan khách thể bên ngoài, nhờ những vận động đã được thực hiện nhiều lần trước đó nhằm cải tạo khách thể, nói cách khác kỹ năng vận động là khả năng thực hiện các vận động mà không cần đến sự kiểm soát của ý thức và được hình thành bằng con đường luyện tập.

Tiếp cận từ các nghiên cứu trên, tác giả cho rằng: *Kỹ năng là sự vận dụng những tri thức (khái niệm, cách thức, phương pháp...) trong các điều kiện thực tiễn xác định để thực hiện hành động của con người một cách có hiệu quả.*

3.1.2. Khái niệm giao tiếp

Trong tâm lý học Liên xô các tác giả như: Vugotxki L.X, Rubinstein X.L, Covaliov A.G, Leonchiev A.N, Andreeva G.M... sau đó các nhà tâm lý học ở Việt Nam như Nguyễn Quan Uẩn, Nguyễn Khắc Viện, Trần Quốc Thành, Ngô Công Hoàn... đều thống nhất rằng: "*Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa con người và con người thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau*" [2, tr. 45].

Nghiên cứu của Đậu Thúy Hoàn lại cho rằng: "*Giao tiếp là hình thức đặc trưng của mối quan hệ giữa con người và con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý, được biểu hiện ở các quá trình trao đổi thông tin, nhận biết rung cảm, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau*" [6, tr. 37].

Trong cuốn "*Từ điển tâm lý học*" của tác giả Vũ Dũng (2000) thì "*Giao tiếp là quá trình hình thành và*

phát triển cảm xúc giữa người với người, được phát sinh từ nhu cầu trong hoạt động chung, bao gồm sự trao đổi thông tin, xây dựng chiến lược tương tác thống nhất, tri giác và tìm hiểu người khác” [5, tr. 146]. Như vậy, nghiên cứu của Vũ Dũng cũng không nằm ngoài quan điểm của các tác giả trước, vẫn là sự tiếp xúc tâm lý của con người để trao đổi thông tin với nhau, tri giác nhau để tìm đến sự thống nhất.

Từ các quan niệm khác nhau về giao tiếp, tác giả cho rằng: “*Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa con người và con người, qua đó giúp họ thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, xúc cảm, tình cảm, hành động và sử dụng dụng các phương tiện giao tiếp giữa các chủ thể trong những điều kiện xác định*”. Nội dung của giao tiếp phải bao hàm việc thiết lập mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể giao tiếp; trao đổi thông tin về nhận thức, xúc cảm, tình cảm, hành động và sử dụng dụng các phương tiện trong giao tiếp.

3.1.3. Khái niệm kỹ năng giao tiếp

Nói đến kỹ năng giao tiếp đã có nhiều tác giả nghiên cứu, xem xét và coi kỹ năng giao tiếp như là năng lực của cá nhân trong việc tổ chức, thực hiện các hành vi giao tiếp. Nội hàm của kỹ năng giao tiếp gồm: *Kỹ năng lắng nghe; Kỹ năng nói; Kỹ năng hiểu được nét mặt, cử chỉ, thái độ và các hành vi phi ngôn ngữ; Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu và kỹ năng làm chủ cảm xúc* [2].

Thống nhất từ khái niệm kỹ năng, kỹ năng giao tiếp được tác giả sử dụng như sau: *Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng những tri thức (khái niệm, cách thức, phương pháp...) vào quá trình giao tiếp và sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) để tác động đến đối tượng, tổ chức và điều khiển quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích đã đề ra*.

3.1.4. Khái niệm kỹ năng giao tiếp sư phạm

Nghiên cứu của Lê Văn Hồng chỉ ra rằng: Đối tượng của hoạt động sư phạm là con người (người học), một thực thể xã hội có ý thức, chủ động tiếp thu sự giáo dục từ phía nhà trường. Nghề sư phạm là nghề có tính chuẩn mực, tính đúng đắn, tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo [3]. Vì vậy, để tác động tới người học thì hoạt động sư phạm phải được trang bị một hệ thống kỹ năng đảm bảo cho hoạt động đạt hiệu quả như kỹ năng thiết kế, kỹ năng tổ chức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, và hệ thống các kỹ năng chuyên biệt.

Nghiên cứu của Nguyễn Minh Ngọc (2027), GTSP là giao tiếp nghề nghiệp giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học và giáo dục. Trong đó giáo viên là chủ thể giao tiếp, với tư cách là người tổ chức quá trình giao tiếp, đặt ra mục đích và nội dung giao tiếp, còn người học là đối tượng giao tiếp. Tác giả cũng cho rằng, giáo viên có kỹ năng GTSP phải có các kỹ năng thành phần sau: kỹ năng biết phát hiện (bằng mắt quan sát) những thay đổi trên nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, sự vận động của toàn cơ thể của đối tượng giao tiếp; kỹ năng nghe và lắng nghe; kỹ năng xử lý thông tin; kỹ năng điều khiển, điều chỉnh, nghĩa là có hành vi ứng xử phù hợp, khoa học, chính xác với những nhu cầu, mong muốn nguyện vọng của đối tượng giao tiếp trong hoạt động sư phạm [4].

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Emel A. khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của giáo sinh ngành GDMN đã chỉ ra rằng, giữa kỹ năng GTSP và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên cá nhân của giáo sinh mầm non có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau, những giáo sinh có mức độ kỹ năng giao tiếp tốt thì kỹ năng giải quyết các vấn đề liên cá nhân cũng cao. Từ đó, tác giả cho rằng, trong đào tạo giáo viên mầm non cần phải tính đến việc giảng dạy kỹ năng giao tiếp và vấn đề liên cá nhân. Xét đến cùng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân và kỹ năng giao tiếp sẽ giúp giáo sinh trong quá trình học tập, các kỹ năng này rất quan trọng đối với họ trong quá trình tiếp nhận các loại hình giáo dục [1, tr. 528].

Từ những nghiên cứu trên tác giả đưa ra khái niệm như sau: *Kỹ năng GTSP là sự vận dụng những tri thức (khái niệm, cách thức, phương pháp...) của giáo viên vào thực hiện có hiệu quả các hành động thiết lập mối quan hệ, trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và sử dụng dụng các phương tiện giao tiếp với người học trong những điều kiện xác định*.

3.1.5. Hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm ở trường mầm non

Trong quá trình đào tạo SV ngành GDMN, KT&TTSP đóng vai trò quan trọng giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn, hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương

lai. Một trong những kỹ năng quan trọng mà SV cần phát triển là kỹ năng GTSP. Hoạt động KT&TTSP là công việc chuyên môn giúp nâng cao tay nghề cũng như rèn luyện những phẩm chất cần có của người giáo viên tương lai. Ngày nay, sự tiến bộ của xã hội loài người và nhịp độ phát triển khoa học công nghệ đã đưa ra những yêu cầu ngày càng cao đối với trình độ chung của thế hệ trẻ. Nếu như ở thời đại văn minh nông nghiệp, mục đích của học chủ yếu là để “biết” thì ngày nay nền văn minh 4.0 yêu cầu con người phải học để “sống” và học để “lao động”. Vì thế trong môi trường sư phạm không chỉ đào tạo những SV có tri thức chuyên môn mà cần phải có những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng. Để có được những kỹ năng, kỹ xảo đó thì SV phải tham gia vào quá trình rèn nghề, cụ thể là hoạt động KT&TTSP.

3.2. Mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm

3.2.1. Mức độ kỹ năng giao tiếp sư phạm biểu hiện qua các nhóm kỹ năng

Giao tiếp sư phạm là quá trình trao đổi thông tin giữa giáo viên với trẻ em, phụ huynh và đồng nghiệp nhằm đạt được mục tiêu giáo dục. Kỹ năng GTSP tốt giúp giáo viên truyền tải thông tin hiệu quả, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với trẻ em và phụ huynh, tạo môi trường học tập tích cực và hỗ trợ sự phát triển của trẻ.

Tuy nhiên, thực trạng cho thấy nhiều SV ngành GDMN vẫn gặp khó khăn trong việc phát triển kỹ năng GTSP trong quá trình KT&TTSP. Vì vậy đưa ra nội dung khảo sát, kết quả được thể hiện như sau:

Các kỹ năng GTSP của SV trong hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức
1. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	3,52	0,898	1	Cao
2. Kỹ năng nghe và lắng nghe	3,38	0,944	5	TB
3. Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	3,45	0,883	2	Cao
4. Kỹ năng truyền đạt thông tin	3,39	0,827	4	TB
5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	3,29	0,923	6	TB
6. Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh	3,41	0,852	3	Cao
Điểm trung bình chung	3,19	0,653		TB

Bảng 1: Kỹ năng giao tiếp sư phạm của SV

Qua số liệu ở bảng 1 cho thấy, kỹ năng GTSP của 163 SV ngành GDMN, xét chung có mức điểm trung bình (ĐTB) ($\bar{X} = 3,19$ điểm), độ lệch chuẩn (ĐLC) (ĐLC = 0,653) xếp ở mức độ *Trung bình*. Nếu xét từng kỹ năng của SV cho thấy:

- Xếp thứ nhất: *Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ*, ($\bar{X} = 3,52$ điểm). Xếp thứ 2: *Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp* ($\bar{X} = 3,45$ điểm). Thứ 3: *Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh* ($\bar{X} = 3,41$ điểm). Đây là những kỹ năng thành phần được các em đánh giá ở mức *Cao*. Khi tham gia phỏng vấn SV hầu hết các em đều trả lời: “*Từ khi tham gia hoạt động KT&TTSP ở trường mầm non, chúng em mới biết công việc dạy trẻ mầm non rất bận, từ việc đón trẻ, dạy trẻ học, tổ chức cho trẻ chơi, trẻ ăn, trẻ ngủ, trẻ đi vệ sinh... nên giáo viên rất ít có điều kiện quan tâm, nắm bắt tâm lý riêng của các cháu nhưng nhiệm vụ chính của các em là rèn nghề cho tốt nên việc nắm bắt tâm lý trẻ, nắm bắt tâm lý phụ huynh là điều mà các em cần phải cố gắng hơn nhất. Vì vậy, chúng em luôn sử dụng các cách thức, phương pháp để giao tiếp với trẻ, với phụ huynh một cách tốt nhất để nắm bắt tâm lý trẻ... đây là phương tiện hữu hiệu nhất giúp chúng em thành công khi tham gia rèn nghề...*”

Nhóm kỹ năng: *nghe và lắng nghe; truyền đạt thông tin; giải quyết mâu thuẫn* được các em đánh giá ở mức *Trung bình*. Khi được hỏi SV L.T.X.V em cho biết: “*Bản thân em nhận thấy việc nghe và lắng nghe trẻ là điều rất khó, bởi lẽ các bé còn chưa nói sõi, việc hiểu ngôn ngữ giao tiếp của người lớn cũng khó khăn nên việc truyền tải thông tin, kiến thức đến trẻ là điều các em thấy khó khăn. Thứ hai, trẻ lại hay nghịch ngợm, nó đùa, phá phách... nên em cảm thấy rất khó kiểm soát các bé. Vì vậy, em nghĩ bản thân em hay tất cả các bạn SV cần chú ý nhiều đến việc trau dồi thêm kiến thức về giao tiếp với trẻ, thường xuyên hơn nữa việc cập nhật các kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để sau này có thêm nhiều phương pháp giáo dục trẻ hiệu quả..*”

3.2.2. Mối tương quan của các kỹ năng giao tiếp sư phạm ở mức cao

Như chúng ta đã biết các nhóm kỹ năng GTSP có mối tương quan với nhau, ảnh hưởng qua lại với nhau. Để kiểm định mối quan hệ này, chúng tôi tiến hành so sánh hệ số tương quan nhằm trả lời câu hỏi: “Các kỹ năng GTSP trên có mối liên hệ tương quan lẫn nhau không và tương quan đến mức nào”. Tại bảng 2 ta thấy, với mức ý nghĩa sig.(2-tailed) của các biến độc lập đều có giá trị $p = 0,000 < 0,01$, vì vậy ta có kết luận là các kỹ năng ở mức Cao trên có tương quan với nhau có ý nghĩa thống kê. Hệ số tương quan (r) giữa các biến là 0,819; 0,731 và 0,833 (rất gần đến +1), chứng tỏ các kỹ năng có tương quan chặt chẽ với nhau.

Tương quan giữa các kỹ năng		Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ	Hệ số tương quan Pearson (r)	1	0,819**	0,731**
	Mức ý nghĩa (p)		0,000	0,000
	Mẫu (N)	163	163	163
Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp	Hệ số tương quan Pearson (r)	0,819**	1	0,833**
	Mức ý nghĩa (p)	0,000		0,000
	Mẫu (N)	163	163	163
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh	Hệ số tương quan Pearson (r)	0,731**	0,833**	1
	Mức ý nghĩa (p)	0,000	0,000	
	Mẫu (N)	163	163	163

Bảng 2: Mối tương quan giữa các kỹ năng cao

Chú thích: **. Sự tương quan có ý nghĩa (p) ở mức $< 0,01$

Hệ số tương quan (r) là 0,891 và 0,731 và mức ý nghĩa $p < 0,01$ đã chứng tỏ chúng có tương quan cùng hướng và rất chặt. Xét mối quan hệ giữa kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp với kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh cũng có hệ số tương quan (r) là 0,833 và mức ý nghĩa $p < 0,01$ chứng tỏ chúng cũng có mối tương quan cùng hướng. Điều đó cho thấy, SV mầm non trong quá trình KT&TTSP có kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp tốt sẽ là cơ sở để trao đổi thông tin, phát hiện những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, bổ sung hoàn thiện các phương pháp dạy trẻ. Việc sử dụng phương tiện giao tiếp không tốt, nhất là giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ sẽ khó trao đổi thông tin về nhận thức, tình cảm, hành động và cũng khó thuyết phục được trẻ trong hoạt động KT&TTSP của bản thân.

3.3. Vai trò của nhà trường đại học trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Nghiên cứu của các tác giả [1], [2], [6], [3] khi đề cập về vai trò của nhà trường đại học trong việc phát triển kỹ năng GTSP cho SV ngành Giáo dục Mầm non họ đều có một thống nhất rằng:

Nhà trường đóng vai trò trung tâm trong quá trình hình thành và phát triển kỹ năng GTSP cho SV. Đây là môi trường chính thức giúp SV được trang bị kiến thức lý luận, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và hình thành phong cách giao tiếp chuẩn mực của người giáo viên mầm non tương lai. Thông qua các học phần nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt là các học phần về tâm lý học, giáo dục học và phương pháp giáo dục trẻ mầm non, SV được hướng dẫn cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với trẻ, đồng nghiệp và phụ huynh một cách khoa học và bài bản nhất.

Vì thế, nhà trường đại học cần xây dựng chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực, trong đó lồng ghép rèn luyện kỹ năng GTSP vào các môn học, hoạt động ngoại khóa và các giờ thực hành nghề nghiệp. Việc tổ chức các hoạt động như dạy mẫu, đóng vai tình huống sư phạm thông qua hoạt động Kiến tập, Thực tập sư phạm, hoặc hội thi “Giáo viên mầm non tương lai” sẽ giúp SV vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, rèn luyện khả năng giao tiếp linh hoạt, tự tin và phát triển cảm xúc tích cực trong môi trường sư phạm.

Không những thế, nhà trường cần chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng phòng thực hành

nghiệp vụ sư phạm, phòng mô phỏng lớp học mầm non và thiết lập mối quan hệ hợp tác với các cơ sở GDMN để SV được trải nghiệm, thực hành, quan sát, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống thực tế.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên giữ vai trò nòng cốt trong việc định hướng, làm mẫu và hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm. Giảng viên cần thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động tương tác, khuyến khích SV tự tin thể hiện bản thân, biết lắng nghe, thấu hiểu và phản hồi phù hợp trong giao tiếp sư phạm.

Ngoài ra, nhà trường cần xây dựng môi trường văn hóa sư phạm thân thiện, dân chủ và nhân văn, tạo điều kiện cho SV thực hành giao tiếp tích cực trong mọi hoạt động học tập và sinh hoạt. Sự gắn kết giữa các tổ chức đoàn thể trong trường, như Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên hay Câu lạc bộ kỹ năng nghề cũng góp phần quan trọng giúp SV trau dồi kỹ năng giao tiếp, hợp tác và chia sẻ.

Tóm lại, bằng việc đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường cơ sở thực hành và xây dựng môi trường văn hóa sư phạm tích cực, nhà trường có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kỹ năng GTSP cho SV ngành GDMN, góp phần hình thành đội ngũ giáo viên mầm non có phẩm chất, năng lực và phong cách giao tiếp chuẩn mực trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay

4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát kỹ năng GTSP của 163 SV trong hoạt động KT&TTSP cho thấy, kỹ năng GTSP đóng vai trò rất quan trọng và không thể thiếu đối với giáo viên mầm non nói chung và SV ngành GDMN nói riêng trong hoạt động KT&TTSP. Mức độ kỹ năng GTSP chung của SV chỉ ở mức trung bình, trong đó có các kỹ năng thành phần đạt ở mức cao như: Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với trẻ; Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp; Kỹ năng thiết lập mối quan hệ với phụ huynh. Các nhóm kỹ năng Cao có mối tương quan rất mạnh đã khẳng định, sự đồng biến theo tỷ lệ thuận và có tương quan rất chặt. Khi một kỹ năng nào đó được sử dụng đúng đắn sẽ tạo nên hiệu quả đồng bộ cho các kỹ năng liên quan. Như vậy, có thể khẳng định việc học tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp nói chung, kỹ năng GTSP nói riêng trong hoạt động KT&TTSP thì mỗi SV cần ý thức rõ trách nhiệm và giá trị nghề nghiệp của mình với sự nghiệp GDMN. Từ đó tạo động lực cho bản thân tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, không ngừng hoàn thiện kỹ năng GTSP. Thường xuyên rèn luyện những nét tính cách phù hợp với lứa tuổi mầm non, say sưa tâm huyết với nghề, nuôi dưỡng, chăm sóc dạy dỗ trẻ, giúp trẻ phát triển, hoàn thiện nhân cách, đạt mục tiêu giáo dục, đáp ứng chuẩn đầu ra về tri thức, năng lực, tay nghề sư phạm của giáo viên mầm non để xã hội giám sát.

Tài liệu tham khảo

- [1] Emel A (2010). *Analysis of Communication Skill and Interpersonal Problem Solving in Preschool Trainees, Social Behavior and Personality* Vol. 38, pp. 523-530.
- [2] Ngô Công Hoàn (1997), *Giao tiếp và ứng xử sư phạm (Dùng cho giáo viên mầm non)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (2014). *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Minh Ngọc (2017). *Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo lớn*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Vũ Dũng (2012). *Từ điển tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [6] Vũ Thúy Hoàn (2018). *Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị.
- [7] Vũ Thị Vân (2024). *Một số biện pháp phát triển năng lực ứng xử sư phạm cho sinh viên sư phạm ở trường đại học*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số đặc biệt tháng 8, tr. 126-130.
- [8] Vũ Thị Vân (2024). *Kỹ năng giải quyết khó khăn tâm lý trong kiến tập và thực tập sư phạm của sinh viên sư phạm*, Trường Đại học Tây Nguyên. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Tây Nguyên, Mã số T2024-29CB.